

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2023/DSST

Ngày: 29-12-2023

V/v: “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp
đồng thi công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Tô Minh Phú** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST - DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng thi công*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2023/QĐXX - ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2023/QĐ-ST ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 110, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Tuấn K**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 307, quốc lộ 1, khu vực E, phường R, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn ông **Huỳnh Văn Đ** trình bày:

Vào ngày 07/7/2020 giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ và bị đơn ông Trần Tuấn K có ký hợp đồng kinh tế số 04/2020/HĐKT. Nội dung hợp đồng là ông Trần Tuấn K đồng ý thuê ông Huỳnh Văn Đ thi công hạng mục xây dựng nhà liên kết D1 (1-5;14-18) thuộc công trình nhà xã hội Khu công nghiệp Bình Minh (CC1;CC3) với hình thức khoán gọn chi phí nhân công và thiết bị thi công. Nội dung công việc ông Đ sẽ tổ chức thi công công trình từ phần móng đến hoàn thiện toàn bộ các công việc của hạng mục công trình theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công. Giá trị khối lượng công trình tạm tính là 1.301.076.000 đồng nhưng trong quá trình thi công thì giá trị quyết toán công trình thực tế là 1.055.475.000 đồng. Ông Trần Tuấn K đã trả cho ông Đ số tiền là 786.420.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 269.055.000 đồng. Đến ngày 26/10/2020 ông Đ và ông K tiếp tục ký hợp đồng kinh tế số 07/2020/HĐKT. Nội dung hợp đồng là: ông K đồng ý thuê ông Đ thi công hạng mục xây dựng nhà liên kết D1 (1-5; 14-18) thuộc công trình nhà ở xã hội Khu công nghiệp Bình Minh (CC1; CC3) với hình thức khoán gọn chi phí nhân công và thiết bị thi công. Nội dung công việc bao gồm: Ông Đ tổ chức thi công công trình từ phần móng đến hoàn thiện toàn bộ các công việc của hạng mục công trình theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công. Giá trị khối lượng công trình tạm tính là 704.919.000 đồng nhưng trong quá trình thi công thì giá trị quyết toán công trình thực tế là 352.267.000 đồng. Ông K đã chuyển trả cho ông Đ được 176.230.000 đồng, còn nợ lại 176.037.000 đồng. Hai bên đã đối chiếu bảng tổng hợp giá trị đề nghị quyết toán, ông Đ đã nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán khoản tiền còn nợ nhưng ông K đã cố tình né tránh không chịu thanh toán. Tổng số tiền mà ông K còn nợ lại là 445.092.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng). Đến ngày 31/8/2022, ông K có trả thêm được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau đó ông Đ và ông K lập Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ thỏa thuận tháng 12/2022 ông K sẽ trả cho ông Đ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại sẽ được trả vào tháng 3/2023. Nhưng đến nay ông K vẫn chưa thanh toán.

Nhận thấy, hành vi của ông Trần Tuấn K đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông Đ cho nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Tuấn K có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ công trình xây dựng là 345.092.000 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng) và lãi suất chậm trả từ ngày 22/7/2022 tạm tính đến ngày khởi kiện là: 28.642.636 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi ông Trần Tuấn K phải trả cho tôi là: 373.734.636 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Ngoài ra, ông Đ còn yêu cầu ông K tiếp tục trả lãi suất đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn ông Trần Tuấn K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Do vụ án không hòa giải được nên đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng thi công với số tiền là 340.092.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 23/8/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/12/2023 với lãi suất là 9%/năm. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự, có đủ căn cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng thi công*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Tuấn K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ bị đơn. Kết quả xác minh ngày 10/02/2023 thì bị đơn ông Trần Tuấn K có đăng ký thường trú tại số 307, khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận C, thành phố Cần Thơ. Hiện không sinh sống tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì (BL69). Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành nhắn tin bị đơn Trần Tuấn K trên phương tiện thông tin đại chúng để liên hệ với Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn Trần Tuấn K vẫn không đến tham gia tố tụng. Bị đơn – ông Trần Tuấn K đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án

vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- **Về số nợ:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế số 04/2020/HĐKT ngày 07/7/2020 và Hợp đồng kinh tế số 07/2020/HĐKT ngày 26/10/2020 với tổng số tiền nợ là 381.413.178 đồng; trong đó nợ gốc là 340.092.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 41.321.178 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 04/2020/HĐKT ngày 07/7/2020 (BL50), Hợp đồng kinh tế số 07/2020/HĐKT ngày 26/10/2020 (BL56) và biên bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ ngày 23/8/2022 (BL57-58) thì thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện thi công, công trình xây dựng. Bên nguyên đơn đã thực hiện xong nội dung hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện xong hợp đồng thi công thì bị đơn không thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn như đã cam kết lúc ban đầu. Theo biên bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ ngày 23/8/2022 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 440.092.000 đồng, sau đó ngày 23/8/2022 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.00 đồng, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 340.092.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn lại nhưng bị đơn không thanh toán cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 340.092.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thông báo cho bị đơn để quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến, hiện tại bị đơn không có mặt tại địa phương cho thấy bị đơn không có thiện ý trả nợ và cố tình kéo dài thời gian. Từ những căn cứ trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện đòi lại số nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- **Về yêu cầu tính lãi suất:** Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/12/2023 với lãi suất là 9%/năm trên số tiền còn nợ là 340.092.000 đồng. Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận và không trái với qui định của pháp luật. Do đó, buộc bị đơn có trách nhiệm trả lãi suất cho nguyên đơn với số tiền tính từ ngày 23/8/2022 đến ngày 29/12/2023 tương ứng là 01 năm 04 tháng 6 ngày x 0.75%/tháng x 340.092.000 đồng = 41.321.178 đồng và lãi suất chậm trả theo qui định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn với tổng số tiền là 381.413.178 đồng; trong đó nợ gốc là 340.092.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm

là 41.321.178 đồng. Tại giai đoạn thi hành án bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành khi nguyên đơn có đơn yêu cầu.

- **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

- **Về chi phí đăng tin tìm kiếm:** Ghi nhận đương sự đã nộp và chi xong.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 385, 386, 388, 398, 400, 401, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ.

- Buộc bị đơn ông Trần Tuấn K trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ tổng số tiền là 381.413.178 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu, bốn trăm mười ba ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 340.092.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi hai ngàn đồng) và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2023 với số tiền là 41.321.178 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm hai mươi một ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng).

Giai đoạn thi hành án nếu nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành đối với số tiền chưa thi hành án.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bị đơn phải chịu số tiền 19.070.659 đồng (Mười chín triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền 9.344.000 đồng (Chín triệu, ba trăm bốn mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003474 ngày 03/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Về chi phí đăng tin tìm kiếm: Ghi nhận đương sự đã nộp và chi xong.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q.C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Hiến